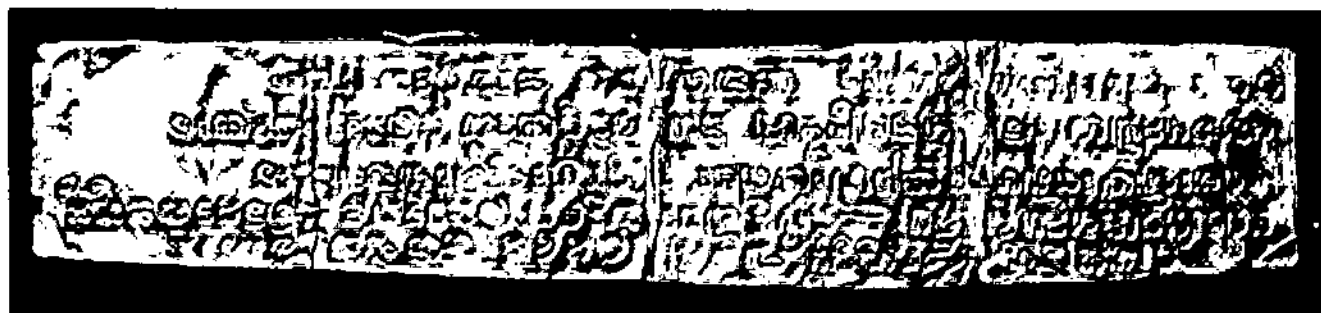


ỐC EO LÀ TÊN GỌI DO NHÀ KHẢO CỔ HỌC NGƯỜI PHÁP LOUIS MALLERET ĐỀ NGHỊ ĐẶT CHO MỘT ĐỊA ĐIỂM NẴM Ở PHÍA NAM TỈNH AN GIANG THUỘC ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG (HUYỆN THOẠI SƠN). NƠI NÀY, ĐÃ TỪNG TỒN TẠI MỘT HẢI CẢNG SẦM UẤT CỦA VƯƠNG QUỐC PHÙ NAM TỪ THẾ KỈ I ĐẾN THẾ KỈ VII.

CỔ VẬT ỐC EO

ĐỈNH CAO CỦA MỘT NỀN VĂN MINH ĐÃ MẤT

THẮNG THẾ



Mảnh vàng thuộc nền văn hóa Ốc Eo có khắc chữ cổ. Ảnh: Internet.

Năm 1920, nhà khảo cổ học người Pháp đã dùng không ảnh chụp miền Nam Việt Nam và phát hiện ra địa điểm này cùng với nhiều kinh đào và các thành phố cổ khác. Một trong những kinh đào này đã cất tường thành của một khu vực rất rộng. Malleret thử tìm kiếm các cấu trúc này trên mặt đất. Ngày 10/2/1944, ông bắt đầu đào các hố khai quật. Malleret đã phát hiện được các di vật và nền móng các công trình chứng minh cho sự tồn tại của một địa điểm thương mại lớn mà các thư tịch của Trung Hoa đã từng miêu tả về vương quốc Phù Nam. Mất hơn 30 năm gián đoạn do chiến tranh, mãi sau 1975 những cuộc tìm kiếm dấu vết của vương quốc bị mất tích này mới được tiếp tục trở lại. Không chỉ có quanh vùng Ốc Eo, dấu tích của vương quốc Phù Nam cổ xưa lần lượt hiện lên từ Cạnh Dền (Kiến Giang), Gò Tháp (Đồng Tháp), Gò Năm Tước, Gò Rộc Thanh (Long An) rồi ngày một lan tỏa ra các vùng Tiền Giang, TP.HCM, Đồng Nai, Vũng Tàu đến Nam Cát Tiên (miền Đông Nam Bộ)...

Nhiều công trình nghiên cứu khoa học dựa vào các kết quả khai quật khảo cổ đã chứng minh văn hóa Ốc Eo là sản phẩm vật chất của Vương quốc Phù Nam. Niên đại của nó ứng với thời kỳ lập quốc, phát triển và suy tàn của Vương quốc Phù Nam.

Phù Nam là tên gọi theo cách phát âm FOUNAN của người Trung Hoa. Từ FOUNAN xuất phát từ ngôn ngữ Khmer cổ BNAM, ngày nay là PHNOM có nghĩa là núi hoặc đồi. Phù Nam là quốc gia cổ đại đầu tiên được hình thành ở Đông Nam Á đất liền với địa bàn

phát triển chính là vùng hạ lưu châu thổ sông Cửu Long. Trong thời kỳ hưng thịnh của Phù Nam, về phía Đông đã kiểm soát cả vùng đất phía Nam Trung bộ (Việt Nam), về phía Tây đến thung lũng sông Mê Nam (Thái Lan), về phía Nam đến gần phía Bắc bán đảo Malaysia. Phù Nam được biết đến trong lịch sử như một cường quốc thương nghiệp. Từ giữa thế kỷ thứ III - VI, Phù Nam khống chế nền thương nghiệp hàng hải ở Đông Nam Á và bành trướng lãnh thổ, đem quân đi chinh phục hơn "10 vương quốc làm phiên thuộc", trong đó có Lâm Ấp (Chiêm Thành). Chính tư tưởng trọng Thương và chính sách bành trướng lãnh thổ đã tạo ra nạn cát cứ, phân tán quyền lực đưa Phù Nam đến sự suy vong vào thế kỷ thứ VII.

Từ những kết quả khai quật khảo cổ học, cho thấy chủ nhân nền văn hóa Ốc Eo - Phù Nam là người bản địa thuộc chủng Indonesien, có quan hệ kinh tế và văn hóa cổ ở Đông Dương (Sa Quỳnh, Đồng Sơn); với Ấn Độ, Trung Hoa, thế giới Địa Trung Hải và với cả miền Trung Á. Đến nay các nhà khảo cổ học đều thống nhất rằng: Ốc Eo là trung tâm đô hội lớn nhất của toàn bộ nền văn hoá Phù Nam. Phần lớn những di tích kiến trúc của Phù Nam là những đền thờ và mộ táng với một loại hình kiến trúc gạch đá hỗn hợp có quy mô lớn bằng kỹ thuật xây nền và tường gạch dày đặc theo những bình đồ còn bí ẩn, lối lắp ráp những phiến đá granit lớn bằng mộng, chốt và một loại mô hỏa táng đặc biệt.

Văn hóa Ốc Eo - Phù Nam có những giao lưu văn hóa rộng lớn với những nền văn minh thời cổ đại như

với văn minh Đông Sơn (những hoa văn trang trí và những hiện vật đồng kiểu tương tự như văn minh Đông Sơn); với Ấn Độ (những tượng thờ thuộc Ấn Độ giáo, Phật giáo, đồ trang sức, hoa văn chạm chìm, con dấu, văn tự...); với Địa Trung Hải và Trung Đông (huy chương La Mã, hoa văn trang trí, hình chạm chìm, tượng đồng, hạt chuỗi La Mã, hình tượng vua Ba Tư...); và với Trung Hoa (mảnh gương đồng, tượng phật nhỏ).

Sau 1975, giới khảo cổ Việt Nam kế tục công cuộc nghiên cứu của L.Malleret, khai quật hàng loạt di chỉ từ Đồng Nai tới Kiên Giang, mang về cho các bảo tàng Nam Bộ hàng vạn hiện vật giá trị. Hơn 300 cổ vật đặc sắc văn hoá Óc Eo hiện được trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam. Các hiện vật tìm được gồm nhiều nhóm: nhóm đồ gỗ, nhóm kim loại, nhóm đồ gốm.



Nhóm đồ gỗ gồm kiến trúc cột nhà sàn (hoặc biểu tượng linga), một vài vật dụng làm bằng gỗ, trục bánh xe. Đặc biệt trong văn hóa Óc Eo có những pho tượng Phật bằng gỗ khá lớn và độc đáo như sưu tập tượng gỗ ở di tích Gò Tháp.

Nhóm kim loại có những vật



các khu di tích để đào đãi lấy vàng trong các lớp cát nặng màu đen.

Đồ vàng là những thành tựu lớn của cư dân Óc Eo. Hiện vật bằng vàng có nhiều kiểu dáng như nhẫn, bông tai, hạt chuỗi, các lá vàng chạm khắc chế tác bằng nhiều kỹ thuật khác nhau mà đặc sắc nhất là kỹ thuật khắc miết tạo ra hình và chữ trên lá vàng. Nhiều mảnh vàng được chế tác tinh vi, dát mỏng dính, có hình vẽ thần nhân của Bà La Môn, bò thần Nadin, nhẫn có bò Nadin (vật cưỡi của Siva). Theo TS Công, các cổ vật hiếm quý nhất là pho tượng Phật Thích Ca do chính cư dân Óc Eo chế tác, cao 1,2 m cách đây hơn 1.500 năm, tấm vàng dài ba, bốn tấc trên có khắc minh văn bằng chữ cổ Ấn Độ, đồng tiền La Mã...

Dựa vào niên đại hoạt động của từng trung tâm văn hóa cổ tại đây, chúng ta có thể nhận ra rằng các tiêu bản vàng trang sức xuất hiện rất sớm trong khoảng thế kỷ thứ I cùng với các bộ trang sức bằng hạt thủy tinh. Trong khi hạt thủy tinh thường bị vứt lại giữa cánh đồng thì các chiếc nhẫn, khuyên tai hai mẫu và các vòng vàng được những kẻ đào bới quan tâm nhất. Các tiêu bản vàng làm thành vật thờ như linga xuất hiện trễ hơn, vào khoảng thế kỷ thứ III. Cuối cùng là các mảnh vàng dát mỏng hình vuông, tròn, chữ nhật còn giữ nguyên miếng hay đã cắt nhỏ thành hình hoa, lá, động vật tìm thấy giữa lòng các tháp gạch ở Nam Cát Tiên (Lâm Đồng); Rạch Đông (Đồng Nai), Gò Hàng, Gò Xoài (Long An), Gò Tháp (Đồng Tháp), Gò Thành (Tiền Giang), Óc Eo, Đá Nổi (An Giang), Nền Chúa (Kiên Giang) và Lưu Cừ (Trà Vinh)...

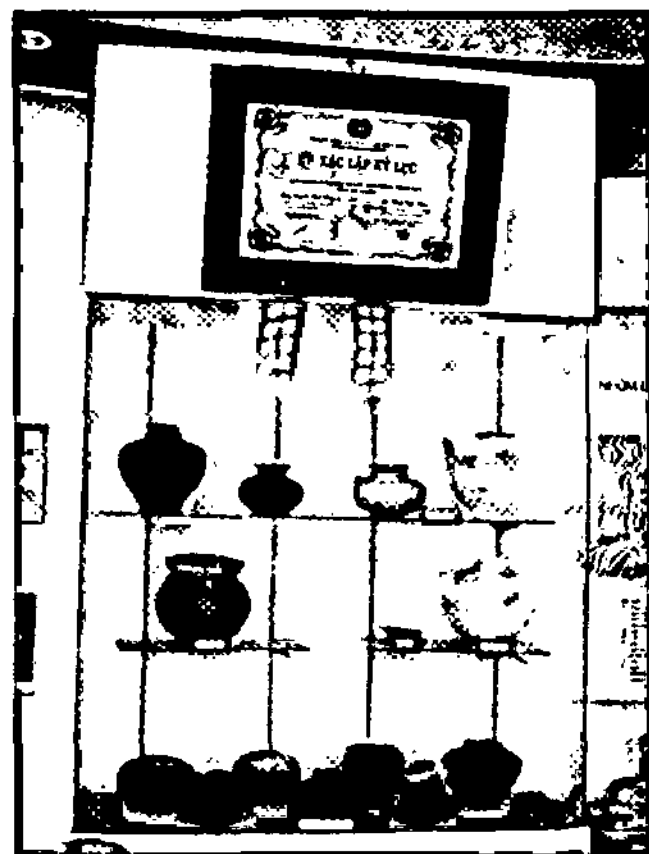
Việc các lá vàng dát mỏng miết khắc tinh tế hay in dập khéo léo hình ảnh các vị thần, các tư thế sinh hoạt của con người hay hình các loài thú, hoa lá, cây cỏ cho thấy kỹ thuật luyện vàng và chế tác mỗi ngày một thêm tinh xảo. Người Phù Nam không dùng đồng

tròn bằng thiếc bên trên có khắc hình mặt trời đang mọc, những đồng tiền cổ bị chặt làm bốn, làm tám, giá hai đầu thú bằng đồng, tượng thần Visnu, nữ thần Ấn Uma, tượng Phật Trung Quốc thời Bắc Ngụy (thế kỷ thứ III), gương đồng, các lá bùa bằng thiếc. Những quả cân nhỏ bằng kẽm và những con dấu (kiểu bản địa, kiểu Ấn Độ, kiểu La Mã, Hy Lạp là bằng chứng của nền thương mại mang tính quốc tế).

Sau năm 1975 việc đào bới tìm vàng ở các di tích trở nên sôi động, tập trung nhiều nhất trong hai đợt 1978-1981 khi nước rút của trận lụt năm 1978 làm nhiều mảnh vàng lộ ra trên mặt đất trong khu Óc Eo và giai đoạn 1985-1989 khi có thông tin về việc đoàn khảo cổ tìm thấy 317 mảnh vàng lá trong số 331 di vật nơi 7 ngôi mộ khai quật giữa vùng đầm lầy Đá Nổi thuộc xã Phú Hòa, phía nam TP. Long Xuyên, An Giang. Nhờ đó nhiều di chỉ văn hóa mới cũng được phát hiện rải rác trên khắp đồng bằng Nam Bộ từ miền Tây đến miền Đông và cả ở TP.HCM. Nhiều địa điểm bị đập phá, xói tung đến từng centimet. Cũng trong thời gian này, nhiều người đã lần theo dấu vết từ

vàng làm bản vị, trái lại họ đúc các đồng bạc hình tròn có đường kính trên dưới 3cm, phía trước dập hình mặt trời đang mọc với 6 tia nắng chiếu lên trời và 6 tia còn lại chiếu xuống mặt đất hoặc mặt nước, phía sau in hình ngôi đền hay mũi con tàu đi dưới các vầng trăng sao.

Nhóm đồ gốm: khó có thể nhầm lẫn với đồ dương thời vì hình dáng đặc biệt và chất liệu đất nung. Do thời đó người ta còn chưa chế được men, như bình có vôi, phù điêu đậm chất Ấn Độ trang trí trên nền tháp, hình mặt người, đầu cột trụ, các viên gạch có hoa văn rất lạ, có in chữ vạn của nhà Phật. Không có vẽ rực rỡ tinh xảo như các loại đồ trang sức, không có vẽ hoành



tráng mà điểm lệ như những pho tượng thờ bằng đá, đồ gốm trong văn hóa Óc Eo mang một vẻ đẹp giản dị nhưng không kém phần độc đáo vì đã thể hiện đặc trưng văn hóa tộc người và phản ánh nguồn gốc bản địa của nền văn hóa này.

Đồ gốm trong văn hóa Óc Eo có thể chia làm 3 loại hình chính: Vật liệu xây dựng – kiến trúc (gạch, ngói, điêu khắc, phù điêu trang trí...), công cụ sản xuất (bàn xoa, chày cối, dọi se sợi, nồi nấu kim loại...), đồ gia dụng (bếp lò, đèn, hũ, bình, nồi lớn nhỏ), đồ thờ cúng (bình Kendi, ly chân cao...). Về chất liệu, gốm Óc Eo hầu hết là đất nung xương gốm khá mịn, gốm màu đỏ hay nâu hồng hoặc xám đen, trừ các chén nhỏ và nồi nấu kim loại cứng chắc như sành do xương gốm pha nhiều sạn sỏi nên có màu xám. Ở đây chỉ xin được

giới thiệu một vài loại di vật gốm phản ánh nhiều mặt đời sống của cư dân cổ ở Nam bộ.

Phổ biến nhất là các bàn xoa – một dụng cụ của kỹ thuật làm gốm cổ. Dụng cụ hình nấm làm bằng chất liệu sét lọc kỹ khá mịn, màu trắng ngà hay hồng nhạt, cầm không có cảm giác chắc nặng, tay cầm hình trụ hơi thon ở giữa tạo núm cầm ở đầu, một số tiêu bản có những đường gờ ren để cầm cho chắc chắn. Mặt xoa hình tròn cong lồi có hoa văn khắc chìm khá sắc nét kiểu chân chim, đầu nhân hay những đường tròn đồng tâm cách đều nhau từ 1mm đến 2-3mm, cũng có tiêu bản mặt để trơn láng. Một lỗ nhỏ 0,5 cm xuyên dọc chính giữa tay cầm đến tâm mặt xoa. Công cụ này được sử dụng để “xoa” làm nhẵn láng bề mặt đồ gốm vì những đường “hoa văn” rất nhỏ có tác dụng khi xoa sẽ làm bề mặt đồ gốm nhẵn đều, mặt cong lồi và lỗ xuyên tâm làm giảm ma sát của mặt tiếp xúc, động tác nhẹ nhàng và nhanh hơn. Những tiêu bản mặt xoa không có hoa văn có chức năng làm nhẵn bóng áo gốm, tăng thêm vẻ đẹp cho sản phẩm. Kích thước phổ biến là chiều cao và đường kính mặt xoa xấp xỉ nhau: 6-8cm. Cá biệt có tiêu bản lớn khoảng 10-12cm nhưng chất liệu cứng chắc gần như sành, màu đỏ nâu hoặc xám đen, không có hoa văn, đó là các bàn đập làm các loại đồ gốm lớn như lu, khạp, nồi lớn... cho xương gốm chắc và mỏng đều. Loại dụng cụ này đến nay vẫn còn được sử dụng tại các lò sản xuất lu gốm ở Tân Vạn (Biên Hòa, Đồng Nai) và nhiều nơi khác.

Bên cạnh đó, Bếp lò (cà ràng) là di vật tiêu biểu được tìm thấy trong nhiều di tích. Tuy chỉ còn các mảnh vỡ nhưng có thể nhận dạng di vật này qua sự so sánh với loại bếp lò bằng gốm hiện nay vẫn phổ biến ở Nam bộ.

Di vật này có một số kiểu dáng: Ở giai đoạn sớm, bếp lò hình chảo đáy rộng và khá bằng, trong lòng có 3 giá kê (hình trụ đầu hơi nhọn như sừng bò). Ở giai đoạn muộn, bếp lò hình khay thắt ở giữa giống số 8. Có chân đế và thành lò cao, từ thành lò nhô ra 3 giá kê. Phần ngoài có thể để than tro nướng thức ăn.

Dù hình thức nào thì bếp lò gốm đều giống nhau ở chỗ cấu tạo phù hợp để có thể đặt trên nhà sàn hay ghe xuồng mà vẫn an toàn, lại có thể di chuyển dễ dàng. Điều đặc biệt là loại bếp lò gốm này đã được tìm thấy rất nhiều trong các di tích thuộc văn hóa Đồng Nai thời tiền sử (niên đại từ 3000 – 2000 năm) vừa là vật dụng tìm thấy tại nơi cư trú, vừa là đồ tùy táng trong các ngôi mộ. Như vậy, loại bếp lò gốm (cà ràng) này đã tồn tại và phổ biến trong đời sống cư dân vùng sông nước, cư trú trên nhà sàn hay ghe xuồng, suốt từ thời xa xưa. Vì vậy, việc gọi nó là “cà ràng” như cách gọi của người Khmer Nam bộ không có nghĩa là nó là di vật của người Khmer, mà chỉ là sự ghi nhận tên gọi hiện nay của loại bếp lò này. Các loại nắp

vung bằng gốm khá đặc biệt vì là nắp dầy ngửa (núm cầm trên mặt lõm của nắp). Loại nắp này đặc biệt thích hợp dầy nổi, bình hũ sử dụng trên ghe xuồng, khi di chuyển trông tránh không bị rơi bể.

Cổ vật đèn gốm: làm bằng chất đất chắc nặng, đế hình đĩa có vành và đường kính lớn hơn đĩa đèn để hứng tàn bấc. Chân cao để tiện cầm nắm và tạo độ cao cho đèn. Phía trên đặt một đĩa đèn đường kính nhỏ hơn đế, đĩa này có chỗ lõm để gác bấc đèn. Khi cần thì có thể đặt chiếc đĩa đèn này trên sàn nhà, sàn ghe xuồng hay trên bàn cũng được.

Ngoài ra còn có một số đồ dùng nghi lễ tôn giáo: Bình kiểu Kendi là loại bình có vòi thân hình cầu, phình tròn ở giữa, thu nhỏ ở cổ và đáy bình. Miệng bình loe cong. Kích thước của bình khá lớn, nhiều chiếc có hoa văn khắc vạch tam giác hay sóng nước ở thân. Có chiếc tô màu đỏ (thổ hoàng) hay tô màu đen chì rất đẹp. Điều đáng lưu ý là những bình bình Kendi thường được tìm thấy trong các phế tích đền tháp, hầu hết bị gãy vỡ, dấu vết cho thấy sự "cố ý" đập gãy vỡ khỏi thân bình. Vì vậy nhiều khả năng cho biết đây là di vật dùng trong các nghi lễ tôn giáo Bàlamôn, những chiếc vòi bình mang bóng dáng ngẫu tượng Linga – tượng trưng cho thần Siva. Được tìm thấy cùng với những chiếc bình là nhiều chiếc ly chân cao trông giống ly uống sâm-banh, kiểu dáng khá "hiện đại". Ngoài ra còn có những chiếc nắp gốm hình tháp có trống lỗ, dùng để dầy bình "xống hương".

Những loại đồ gốm tiêu biểu trên đây của văn hóa Óc Eo chỉ là một phần nhỏ trong kho tàng đồ

gốm của văn hóa này. Di vật gốm cổ cho ta nhận biết về đời sống của chủ nhân văn hóa Óc Eo, những yếu tố văn hóa bản địa Đồng Nai – Cửu Long và những yếu tố văn hóa ngoại sinh từ vùng biển và hải đảo mang đến. Tuy nhiên, cũng như "số phận" của những di vật gốm – đất nung trong nhiều nền văn hóa cổ, dù mang vẻ đẹp bình dị mà sâu lắng hồn đất, cổ vật gốm của văn hóa Óc Eo chưa được nhiều người dành sự quan tâm tìm hiểu như đối với cổ vật bằng đá và kim loại quý.

Ngày nay, việc sưu tầm, lưu giữ, nghiên cứu và bảo tồn di tích - di vật văn hóa Óc Eo sẽ góp phần làm sáng tỏ quá trình khai phá, mở mang và phát triển vùng đất Nam bộ một cách xác thực nhất. Văn hóa Óc Eo chứa đựng những giá trị lớn về vật chất và tinh thần, có ý nghĩa quan trọng đối với công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội ở Nam bộ. Chúng ta góp sức bảo tồn và phát huy các giá trị di tích - di vật văn hóa Óc Eo là góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc, giáo dục truyền thống cho thế hệ hôm nay và mai sau hiểu biết rõ hơn về lịch sử nước nhà.

T.T

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Văn hóa Óc Eo và các văn hóa cổ ở Đồng bằng sông Cửu Long. Sở Văn hóa Thông tin An Giang. Long Xuyên, 1984.
2. Văn hoá Óc Eo những khám phá mới. Lê Xuân Diệm - Đào Linh Côn - Võ Sĩ Khải. NXB Khoa học xã hội, 1995.
3. Văn hoá Đồng bằng Nam bộ (di tích kiến trúc cổ). Võ Sĩ Khải. NXB Khoa học xã hội, 2003.
4. Nghệ thuật Phật giáo và Hindu giáo ở đồng bằng sông Cửu Long trước Thế kỷ X.

BÁC HỒ...

(Tiếp theo trang 3)

sách của Đảng, Nhà nước là nhiệm vụ đầu tiên và cũng là nhiệm vụ hàng đầu của công tác biên phòng. Nếu không có nhân dân thực hiện thì sẽ không có lực lượng nào có thể đảm nhiệm được an ninh biên giới trong điều kiện đường biên và bờ biển nước ta dài, phức tạp về địa hình. Thực hiện lời căn dặn của Bác: "dân vận là vận động từng người dân, không để sót một người dân nào góp thành lực lượng toàn dân thực hiện công tác biên phòng". Mỗi cán bộ, chiến sĩ Biên phòng phải có sự hiểu biết cần thiết để tuyên truyền giải thích cho nhân dân các dân tộc hiểu được đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước liên quan đến công tác biên phòng, cần xây dựng cho bộ đội tình cảm sâu sắc gắn bó với đồng bào các dân tộc, gần gũi với vùng biên cương của Tổ quốc. Đón là nhà, biên giới là quê hương, đồng bào các dân tộc là anh em ruột thịt. Với tình cảm như vậy, Bộ đội Biên phòng mới thực hiện được dân tin, dân yêu, giúp

đỡ mới xây dựng được thế trận nhân dân trong bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới.

Thực hiện theo lời Bác Hồ, trong nhiều năm qua, BĐBP đã thực hiện tốt những quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước. Một mặt, nghiêm chỉnh thực hiện các hiệp ước, hiệp định về biên giới đã ký kết, tuân thủ luật pháp quốc tế giữ vững chủ quyền biên giới. Đồng thời, tôn trọng độc lập, chủ quyền của nước bạn, thực hiện biên giới hoà bình, hữu nghị. Đối với các tranh chấp, kiên trì quan điểm "lấy đối thoại thay cho đối đầu" thực hiện "vừa hợp tác vừa đấu tranh". Qua đó, đã xây dựng được biên giới hoà bình, hữu nghị./.

T.P

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- <http://www.bienphong.com.vn/bac-ho-voi-luc-luong-bdbp/>
- <http://www.qdnd.vn/ho-so-su-kien/oi-bac-day-nam-xua/bac-ho-day-bo-doi-bien-phong-532736>
- <http://bienphongvietnam.vn/doi-bien-phong-viet-nam/truyen-thong-bo-doi-bien-phong/199-tt03.html>